TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 16 – 02– 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Y, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Nhà không số, đường N, khóm V, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy ủy quyền ngày 15/6/2020. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Vương Thị Kiều P, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Nhà không số, đường H, khóm Y, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy ủy quyền ngày 16/12/2020. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Duy P2, sinh năm 1956; Ấp T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

3/ Bà Trương Tr; Nơi cư trú: Phòng số F, Khu tập thể Đ, Ấp T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, đại diện nguyên đơn ông Hồ Vũ P1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Từ năm 2018 đến năm 2019, bà Lê Thị Y cho bà Vương Thị Kiều P vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 16/6/2018 dương lịch (ngày 03/5/2018 âm lịch), vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, bà P trả lãi đầy đủ đến tháng 9/2019 thì ngưng. Khoản vay này bà P vay dùm bà Trương Tr, có biên nhận do bà Tr và bà P viết.

- Lần 2: Ngày 29/6/2018 âm lịch, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 500.000 đồng, bà P trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng.

- Lần 3: Ngày 25/10/2018 âm lịch, vay số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 500.000 đồng, bà P trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng.

- Lần 4: Ngày 18/11/2018 âm lịch, vay 8.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 500.000 đồng, bà P trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng.

- Lần 5: Ngày 18/11/2018 âm lịch, vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 500.000 đồng, bà P trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng.

- Lần 6: Ngày 06/02/2019 âm lịch, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 500.000 đồng, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vương Thị Kiều P và Nguyễn Duy P2. Hiện nay bà Y đang quản lý Giấy chứng nhận này, bà P trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng.

- Lần 7: Ngày 06/6/2019 âm lịch, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 400.000 đồng, bà P trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng.

Tổng cộng vay 07 lần với số tiền là 74.000.000 đồng, các lần bà P đều có viết biên nhận, ký nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn vay. Quá trình vay bà P có trả lãi cho bà Y đến tháng 9/2019 thì ngưng, việc trả lãi không có văn bản thể hiện. Từ tháng 10/2019 đến nay bà P không trả cho bà Y thêm khoản vốn, lãi nào. Ngoài ra ngày 06/5/2019 âm lịch, bà P vay 8.000.000 đồng, không có biên nhận nhưng do bà P không thừa nhận có vay khoản tiền này nên bà Y không khởi kiện trong vụ án này. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 74.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 20.000.000 đồng của bà Trương Tr vay. Đối với các khoản vay còn lại nguyên đơn đồng ý giảm bớt vốn lãi cho bị đơn, chỉ yêu cầu

bị đơn và ông P2 thanh toán vốn và lãi là 45.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu thêm khoản nào khác. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn bà Vương Thị Kiều P, đại diện bị đơn ông Phan Hoàng B trình bày trong quá trình giải quyết và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, viết và ký biên nhận nhiều lần tổng cộng 74.000.000 đồng nhưng trong đó có khoản vay 20.000.000 đồng ngày 16/6/2018 dương lịch là do bà Tr vay có biên nhận do bà Tr viết, ký tên, bà P chỉ viết biên nhận mục đích bảo lãnh cho bà Tr. Các biên nhận khác đều do bà P viết và ký tên. Tuy nhiên bà P chỉ thừa nhận có vay tiền tại biên nhận ngày 29/6/2018 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/tháng, còn lại các biên nhận do nguyên đơn cung cấp có vết tẩy xóa, ghi không hợp lệ, không đảm bảo nội dung vay, bà P cho rằng các biên nhận này là tiền lãi nhập vào vốn, thực tế bà P không nhận các khoản tiền này. Đối với biên nhận ngày 06/02/2019 âm lịch bà P có thế chấp cho bà Y bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vương Thị Kiều P và Nguyễn Duy P2, hiện nay bà Y đang giữ Giấy chứng nhận nêu trên và cũng là lãi nhập vốn. Quá trình vay bà P đã trả lãi của các khoản vay cho bà Y nhiều lần đến tháng 9/2019 thì ngưng đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà P không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn thanh toán vốn 74.000.000 đồng và lãi, chỉ đồng ý thanh toán cho bà Y 10.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng bị đơn có vay 8.000.000 đồng ngày 06/5/2019 âm lịch là không đúng, bị đơn xác định không có vay khoản tiền này.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông P2 và bà P. Bà P và ông P2 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn thanh toán tiền vốn và lãi cho nguyên đơn 45.000.000 đồng; Yêu cầu nguyên đơn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P và ông P2.

Ông Nguyễn Duy P2 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Việc bà P vay tiền của bà Y ông hoàn toàn không biết, ông không nhận tiền từ bà Y, cũng không thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Duy P2 và Vương Thị Kiều P. Tuy nhiên vì là vợ chồng nên ông đồng ý thừa nhận đây là nợ chung và đồng ý cùng bà P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Y tiền vốn và lãi là 45.000.000 đồng; Yêu cầu nguyên đơn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Chị Phạm T1 trình bày: Vào ngày 06/6/2019, bà P đến vay tiền của bà Y là mẹ ruột của chị, lúc này bà Y vắng nhà nên bà Y nhờ chị đưa cho bà P 10.000.000 đồng, bà P có viết biên nhận nợ, nội dung: " Kiều P hỏi cháu Trang 10 triệu mười triệu". Chị xác định số tiền 10.000.000 đồng mà chị đưa cho bà Phương vay theo Bên nhận ngày 06/6/2019 là tiền của bà Y, không phải tiền của chị, chị không liên quan, yêu cầu gì đối với khoản tiền này trong vụ án, chị đồng ý để bà Y được toàn quyền yêu cầu bị đơn bà P thanh toán 10.000.000 đồng này. Chị xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho bà Tr đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Tr vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện khoản vay 20.000.000 đồng do bà Tr vay; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, bà P và ông P2 cùng có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền vốn và lãi là 45.000.000 đồng. Án phí dân sự có giá ngạch: Xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Trương Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị Phạm Thị T1 xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Trương Tr và chị Phạm Thị T1.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian từ ngày 16/6/20218 đến ngày 18/11/2019, nguyên đơn cho bị đơn vay nhiều lần, tổng số tiền 74.000.000 đồng, các lần vay bị đơn đều có viết biên nhận và ký tên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn vay, để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình nguyên đơn cung cấp các biên nhận nợ ngày 29/6/2018; 15/10/2018, hai biên nhận cùng ngày 18/11/2018; ngày 06/02/2019; ngày 06/6/2019. Đại diện bị đơn xác định, bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhưng chỉ thừa nhận tại biên nhận ngày 29/6/2018 số tiền 10.000.000 đồng và nhận nợ thay cho bà Trương Tr 20.000.000 đồng, xác định chữ ký trong các biên nhận do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết của bị đơn nhưng các biên nhận có vết tẩy xóa, ghi không hợp lệ và có lãi nhập vào vốn. Đối với khoản vay ngày 06/02/2019, vay số tiền 10.000.000 đồng, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vương Thị Kiều P và Nguyễn Duy P2. Quá trình vay bị đơn đã trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn đến tháng 9/2019. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và ông P2 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi là 45.000.000 đồng. Bị đơn và ông P2 đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với khoản tiền vay 20.000.000 đồng tại biên nhận ngày 16/6/2018dl (do bà Tr viết) và biên nhận không ghi ngày tháng năm do bà P viết, bà P xác định vay dùm cho bà Tr. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay này. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Vương Thị Kiều P và Nguyễn Duy P2 đứng tên hiện nay bà Y đang giữ. Đây là giấy tờ thế chấp khi vay, các đương sự thống nhất nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bà P và ông P2 sau khi bà P và ông P2 thanh toán xong khoản nợ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y, về việc yêu cầu bà Vương Thị Kiều P và ông Nguyễn Duy P2 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng tại biên nhận ngày 16/6/2018 dương lịch.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn bà Lê Thị Y, bị đơn bà Vương Thị Kiều P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy P2.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Vương Thị Kiều P và ông Nguyễn Duy P2 thừa nhận còn nợ và đồng ý cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Y số tiền vốn và lãi là 45.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Vương Kiều P và ông Nguyễn Duy P2 không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi P2 sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Thời gian và P thức thanh toán: Các đương sự thống nhất thỏa thuận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Vương Kiều P nhận nộp 1.750.000 đồng (chưa nộp). Bà Lê Thị Y nhận nộp 500.000 đồng, ngày 18/6/2020 bà Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.349.000 đồng tại Bên lai số 0002010, đối trừ bà Y được nhận lại 1.849.000 đồng.

Bà Lê Thị Y, bà Vương Thị Kiều P, ông Nguyễn Duy P2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

Nguyễn Thị Ngọc Hân